TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10/2021/QĐST-VHNGĐ	*TP. Sóc Trăng, ngày 20 tHg 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 140/2021/TLST-VHNGĐ ngày 24-12-2021 về việc "Công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông **Lâm H**, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số 33 lô ƠLK-04 đường số 08 thuộc Khu đô thị 5, Khóm 4, Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Chổ ở hiện nay: Số 33A – 33B đường A, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. Bà **Phan Kim O**, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số 33 lô ƠLK-04 đường số 08 thuộc Khu đô thị 5A, Khóm 4, Phường A, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Chổ ở hiện nay: Số 33A – 33B đường A, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1995, ông H và bà O kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường 6, thị xã Sóc Trăng (*nay là thành phố S*), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Trong thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nay ông H và bà O nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết được thuận tình ly hôn.

Xét thấy, thực trạng mâu thuẫn giữa ông H và bà O đã đến mức trầm

trọng, vợ chồng ông, bà đã sống ly thân. Hiện nay, ông H và bà O không còn chung sống như vợ chồng, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn của ông H và bà O.

[2]. Về con chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lâm H và bà Phan Kim O thống nhất trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí Tòa án: Ông H và bà O mỗi người đồng ý chịu số tiền 150.000 đồng. Xét thấy, việc thỏa thuận của ông, bà phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên có cơ sở chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lâm H và bà Phan Kim O.

1.2. Về con chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lâm H và bà Phan Kim O thống nhất trình bày không có nên không yêu cầu giải quyết.

1.4. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Ông Lâm H và bà Phan Kim O mỗi người đồng ý chịu là 150.000 đồng nhưng được trừ tiền tạm ứng lệ phí do ông Lâm H và bà Phan Kim O đã nộp theo biên lai thu số 0004919 và 0004920 ngày 11-12-2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Ông Lâm H và bà Phan Kim O đã nộp xong lệ phí dân sự sơ thẩm.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kHg cáo, kHg nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TPST;
- Chi cục THADS thành phố S;
- UBND Phường 6, thành phố S.
- Lưu HS.

THẨM PH

Lâm Tấn Vinh